



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
và các công ty con**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là vào ngày 4 tháng 8 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Hồ Hùng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Seokhee Won	Thành viên
Ông Lu Ming	Thành viên (đến ngày 27 tháng 1 năm 2016)
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên (đến ngày 27 tháng 1 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Seokhee Won	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Toại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Kim Nhung	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) đính kèm cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (gọi chung là “các báo cáo tài chính giữa niên độ”).

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 77 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm các bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 77.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ Soát xét 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo Soát xét số: 16-01-300




Chong Kwang Puay

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0864-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		8.651.093.667	4.736.863.861	6.880.394.987	3.490.098.963
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	2.865.147.142	3.366.663.622	1.507.510.787	1.448.427.905
Tiền	111		281.447.142	262.513.622	91.210.787	21.127.905
Các khoản tương đương tiền	112		2.583.700.000	3.104.150.000	1.416.300.000	1.427.300.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.070.500.000	-	2.473.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	3.070.500.000	-	2.473.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.627.488.006	524.172.872	2.758.619.673	1.959.248.300
Phải thu của khách hàng	131	9	141.010.362	204.488.052	109.895.871	235.284.661
Trả trước cho người bán	132		99.141.581	293.268.257	9.177.517	13.677.115
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	1.242.716.877	-	1.242.716.877	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	145.376.955	27.198.708	1.396.829.408	1.710.262.867
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	11	(757.769)	(805.802)	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	23.657	-	23.657
Hàng tồn kho	140	12	1.043.934.010	790.231.722	128.156.785	74.417.177
Hàng tồn kho	141		1.064.412.237	806.854.623	134.204.479	74.417.177
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.478.227)	(16.622.901)	(6.047.694)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		44.024.509	55.795.645	13.107.742	8.005.581
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20.139.639	12.528.673	9.870.538	8.005.581
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.884.870	43.109.758	3.237.204	-
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	157.214	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.780.574.235	12.853.782.649	4.492.659.663	11.204.779.099
Các khoản phải thu dài hạn	210		24.843.222	7.123.035.720	21.547.645	7.122.192.702
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	6.729.614.068	-	6.729.614.068
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	24.843.222	393.421.652	21.547.645	392.578.634
Tài sản cố định	220		4.225.665.668	4.047.507.546	284.419.489	247.958.046
Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.856.131.126	2.592.621.285	66.907.089	21.663.329
<i>Nguyên giá</i>	222		4.197.152.192	3.743.546.719	98.745.755	55.023.313
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.341.021.066)	(1.150.925.434)	(31.838.666)	(33.359.984)
Tài sản cố định vô hình	227	15	1.369.534.542	1.454.886.261	217.512.400	226.294.717
<i>Nguyên giá</i>	228		2.060.281.016	2.052.630.728	258.868.432	252.094.429
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(690.746.474)	(597.744.467)	(41.356.032)	(25.799.712)
Tài sản dở dang dài hạn	240		534.502.985	719.382.303	11.792.034	58.811.350
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	534.502.985	719.382.303	11.792.034	58.811.350
Đầu tư tài chính dài hạn	250		252.938.760	254.802.293	4.081.800.009	3.689.300.009
Đầu tư vào các công ty con	251	8(b)	-	-	4.081.800.009	3.689.300.009
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	8(b)	252.938.760	254.802.293	-	-
Tài sản dài hạn khác	260		742.623.600	709.054.787	93.100.486	86.516.992
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	152.614.593	126.947.338	12.449.169	2.754.250
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	131.072.372	117.078.882	80.651.317	83.762.742
Lợi thế thương mại	269	19	458.936.635	465.028.567	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		14.431.667.902	17.590.646.510	11.373.054.650	14.694.878.062

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.946.017.267	4.775.199.506	2.531.952.834	3.236.974.822
Nợ ngắn hạn	310		3.411.450.599	4.149.379.994	2.531.952.834	3.236.974.822
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	765.080.950	888.714.669	1.207.006.322	1.668.709.011
Người mua trả tiền trước	312		25.759.686	33.942.871	13.495.168	18.176.167
Thuế phải nộp Nhà nước	313	21	169.551.252	277.975.492	4.318.389	120.793.427
Phải trả người lao động	314		50.339.763	16.179.342	21.546.191	8.615
Chi phí phải trả	315	22	786.894.537	864.961.703	433.341.780	463.366.355
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	29.833.739	104.479.000	18.428.428	12.480.468
Vay ngắn hạn	320	24(a)	1.559.318.605	1.928.631.096	833.816.556	953.440.779
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		24.672.067	34.495.821	-	-
Nợ dài hạn	330		534.566.668	625.819.512	-	-
Phải trả người bán dài hạn	331	20	67.851.414	75.845.316	-	-
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	20.989.911	22.803.868	-	-
Vay dài hạn	338	24(b)	251.684.268	319.890.280	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	192.134.768	205.232.110	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.906.307	2.047.938	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.485.650.635	12.815.447.004	8.841.101.816	11.457.903.240
Vốn chủ sở hữu	410	25	10.485.650.635	12.815.447.004	8.841.101.816	11.457.903.240
Vốn cổ phần	411	26	5.381.601.170	5.351.601.170	5.381.601.170	5.351.601.170
Thặng dư vốn cổ phần	412	26	5.088.056.395	5.088.056.395	5.088.056.395	5.088.056.395
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657)	(265.775.657)	-	-
Cổ phiếu quỹ	415	26	(1.640.252.631)	(1.640.252.631)	(1.640.252.631)	(1.640.252.631)
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.973	22.731.973	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		902.784.307	2.984.708.427	11.696.882	2.658.498.306
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		996.505.078	1.274.377.327	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		14.431.667.902	17.590.646.510	11.373.054.650	14.694.878.062

Ngày 16 tháng 8 năm 2016

Người lập:


 Huỳnh Việt Thăng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Hoàng Tùng
 Giám đốc Tài chính


 Seokhee Won
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết số	Tập đoàn		Công ty	
			Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000	30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	5.907.282.347	5.660.307.266	4.377.561.337	4.465.337.594
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	103.741.272	74.817.904	26.547.859	26.764.878
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	5.803.541.075	5.585.489.362	4.351.013.478	4.438.572.716
Giá vốn hàng bán	11	30	3.313.772.680	3.139.865.503	3.558.323.789	3.613.386.114
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.489.768.395	2.445.623.859	792.689.689	825.186.602
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	272.953.596	680.542.637	590.175.482	1.060.747.296
Chi phí tài chính	22	32	54.628.105	254.023.252	29.849.116	193.003.766
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>53.699.055</i>	<i>145.960.594</i>	<i>29.691.473</i>	<i>192.150.947</i>
Phần lãi trong một công ty liên kết	24		3.456.901	6.602.433	-	-
Chi phí bán hàng	25	33	1.202.478.325	1.119.445.220	904.443.473	883.622.631
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	410.157.833	348.961.888	194.859.553	155.790.149
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		1.098.914.629	1.410.338.569	253.713.029	653.517.352
Thu nhập khác	31		2.623.499	2.537.839	428.881	595.565
Chi phí khác	32		3.522.426	3.836.619	1.735.254	37.992
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(898.927)	(1.298.780)	(1.306.373)	557.573
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.098.015.702	1.409.039.789	252.406.656	654.074.925
Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	35	160.159.630	232.518.492	-	104.164.115
(Lợi ích)/chi phí thuế – TNDN hoãn lại	52	35	(27.062.366)	(37.579.178)	3.111.425	(49.101.417)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		964.918.438	1.214.100.475	249.295.231	599.012.227

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>		
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015	
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)	60	964.918.438	1.214.100.475	249.295.231	599.012.227
Phân bổ cho:					
Chủ sở hữu của Công ty	61	962.560.615	1.224.359.140	249.295.231	599.012.227
Cổ đông không kiểm soát	62	2.357.823	(10.258.665)	-	-

Mã Thuyết số minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>			
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015		
	VND	VND	VND	VND		
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.861	2.385	Không áp dụng	Không áp dụng

Ngày 16 tháng 8 năm 2016

Người lập:


 Huỳnh Việt Thăng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Hoàng Tùng
 Giám đốc Tài chính


 Seokhee Won
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.098.015.702	1.409.039.789	252.406.656	654.074.925
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao và phân bổ	02	329.998.507	268.668.100	21.877.488	4.348.826
Các khoản dự phòng	03	23.024.080	50.850.743	6.694.438	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(287.787)	82.491.364	34.871	440.772
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05	2.837.953	1.503.121	1.704.961	(50.000)
Thu nhập lãi, cổ tức và thu nhập khác từ các hoạt động đầu tư	05	(269.553.537)	(672.028.098)	(589.980.126)	(1.060.599.865)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(3.456.901)	(6.602.433)	-	-
Chi phí lãi vay	06	53.699.055	145.960.594	29.691.473	192.150.947
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.234.277.072	1.279.883.180	(277.570.239)	(209.634.395)
Biến động các khoản phải thu	09	63.146.330	78.891.290	36.110.504	38.597.790
Biến động hàng tồn kho	10	(272.478.466)	(297.291.255)	(60.434.046)	(67.360.305)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(241.519.713)	191.945.958	(526.917.716)	(1.424.254.340)
Biến động chi phí trả trước	12	9.090.958	(14.239.491)	223.512	(17.006.018)
		792.516.181	1.239.189.682	(828.587.985)	(1.679.657.268)
Tiền lãi vay đã trả	14	(53.420.010)	(116.172.535)	(29.903.529)	(38.630.461)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(212.651.726)	(831.532.737)	(66.057.682)	(397.300.336)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.907.884)	(4.834.699)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	514.536.561	286.649.711	(924.549.196)	(2.115.588.065)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>		
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(239.038.929)	(539.530.218)	(23.092.669)	(79.658.551)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22	2.917.160	1.804.664	2.994.089	50.000
Tiền chi cho vay	23	(3.131.978.713)	(7.085.000.000)	(3.131.978.713)	(7.085.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	6.729.614.068	10.975.158.802	6.729.614.068	10.975.158.802
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(19.892.800.000)	(19.082.702.727)	(14.411.800.000)	(14.128.100.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	16.822.300.000	21.073.500.941	11.938.800.000	16.396.600.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con và một công ty liên kết và mua lại cổ đông không kiểm soát trong các công ty con	25	(392.281.424)	(239.180.200)	(392.500.000)	(1.759.296.221)
Mua một công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua (Thuyết minh 6(a))	25	(11.555.625)	(180.839.069)	-	-
Tiền thu từ thanh lý lợi ích trong các công ty con và cổ tức trước ngày mua nhận được từ một công ty liên kết	26	5.320.434	50.000.000	-	1.209.140.528
Tiền thu lãi và cổ tức	27	547.675.204	713.549.498	1.360.299.101	2.863.373.452
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	440.172.175	5.686.761.691	2.072.335.876	8.392.268.010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>		
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND'000	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	30.000.000	-	30.000.000	-
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn	33	4.173.670.917	6.737.014.669	2.878.958.860	4.085.145.313
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(4.661.189.420)	(7.307.680.228)	(2.998.583.083)	(3.885.616.091)
Tiền trả nợ gốc vay cho một công ty con	34	-	-	-	(239.250.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(999.057.130)	(3.021.727.912)	(999.045.130)	(3.021.727.912)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(1.456.575.633)	(3.592.393.471)	(1.088.669.353)	(3.061.448.690)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(501.866.897)	2.381.017.931	59.117.327	3.215.231.255
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	3.366.663.622	3.595.756.093	1.448.427.905	1.647.716.542
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	350.417	2.497.672	(34.445)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	2.865.147.142	5.979.271.696	1.507.510.787	4.862.947.797

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2016	30/6/2015
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Cần trừ cổ tức phải trả với các khoản cho vay phải thu từ các bên liên quan	1.889.261.836	-	1.889.261.836	-

Ngày 16 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Huỳnh Việt Thăng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hoàng Tùng
Giám đốc Tài chính



Seokhee Won
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; sản xuất và mua bán đồ uống không cồn và nước khoáng; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 13 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 11 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đầu tư và Đăng ký Kinh Doanh	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
Các công ty con sở hữu trực tiếp						
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon – số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon – số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan ĐN	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Đường số 7, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Các công ty con sở hữu gián tiếp						
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(ii) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(ii) Sản xuất gia vị	Lô III-10, đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đầu tư và Đăng ký Kinh Doanh	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
Công ty Cổ phần Ma San PQ	(ii) Sản xuất gia vị	Khu 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	94,50%	94,50%	94,50%	94,50%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(ii) Sản xuất thực phẩm tiện lợi	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(ii) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cầm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(ii), (iv) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	(ii) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi	Lô K4, Đường số 2, Khu công nghiệp Sông thân 2, phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công Ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	(ii), Sản xuất gia vị (vii)	Khu 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	-	100%	-
Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa	(iii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	60,16%	53,20%	60,16%	53,20%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(iii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	88,56%	63,95%	88,56%	63,95%

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đầu tư và Đăng ký Kinh Doanh	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(v) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	88,55%	63,94%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(iii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,68%	65%	65,68%	65%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN	(vi) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Số 10 Đường Nội Bộ Hưng Gia 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,14%	-	85%	-
Một công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(ii) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,8%	32,8%	32,8%	32,8%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH Một Thành viên Masan DN (“MDN”) được thành lập vào ngày 12 tháng 9 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401622417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 7/2016/NQ-HĐQT-MSC ngày 28 tháng 3 năm 2016 đã thông qua và chấp thuận thanh lý MDN. Tại ngày phát hành các báo cáo tài chính giữa niên độ này, quá trình thanh lý MDN vẫn đang được tiến hành.
- (ii) Các công ty con này và công ty liên kết được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”).
- (iii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”).
- (iv) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”) được thành lập vào ngày 11 tháng 6 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6300262818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hậu Giang cấp. MHG được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSF. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, MHG vẫn chưa đi vào hoạt động và đang trong quá trình lên kế hoạch xây dựng.
- (v) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (vi) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”) được mua bởi Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“VCF”), một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSB, vào tháng 5 năm 2016 với số tiền là 35.000 triệu VND không bao gồm chi phí giao dịch (Thuyết minh 6(a)). Do kết quả từ giao dịch này, CDN trở thành một công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua VCF.
- (vii) Công Ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc (“NNPQ”) được thành lập vào ngày 21 tháng 6 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1702051991 do Sở Đầu tư và Phát triển Tỉnh Kiên Giang cấp. NNPQ là một công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSF. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, NNPQ vẫn chưa đi vào hoạt động và đang trong quá trình lên kế hoạch xây dựng.

Tất cả các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 1.130 nhân viên (1/1/2016: 1.134 nhân viên) và Tập đoàn có 4.741 nhân viên (1/1/2016: 4.822 nhân viên).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Các báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ này nên được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(b) Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ các báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Các báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn đến hàng nghìn gần nhất (“VND’000”).

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty và Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn), sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(v) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 - *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 - *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

(vi) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn để đổi quyền kiểm soát đơn vị bị mua tại ngày trao đổi và các chi phí giao dịch. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	4 - 30 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Quyền khai thác

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 9 đến 30 năm.

(iv) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 đến 20 năm. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

(v) Quan hệ khách hàng

Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 5 đến 15 năm.

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 đến 37 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ là 42 đến 50 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty hoặc Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty hoặc Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(n) Các công cụ tài chính phái sinh

Tập đoàn nắm giữ các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro về biến động giá của nguyên vật liệu. Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán với giá gốc tại ngày hợp đồng phái sinh được ký kết. Các khoản lãi và lỗ đã thực hiện từ các công cụ phái sinh được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu phổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ các khoản cho vay, cổ tức và lợi nhuận được tạm ứng, lãi chênh lệch tỷ giá và lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh.

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí vay và các chi phí liên quan, lỗ do chênh lệch tỷ giá và lỗ đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh. Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi và lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản lãi tiền gửi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.

(v) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty và cá nhân trực tiếp hay gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, kiểm soát hoặc được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung của Tập đoàn, bao gồm công ty chủ quản, các công ty con và các công ty con thành viên. Các công ty liên kết và các cá nhân sở hữu, trực tiếp hay gián tiếp, quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng trọng yếu đến công ty, các nhân sự quản lý chủ chốt, bao gồm các giám đốc và nhân viên của Tập đoàn và các thành viên trong gia đình của các cá nhân và công ty liên kết với các cá nhân này cũng là các bên liên quan.

Khi xem xét mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập các báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính được lập cho báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ trước.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn thành bốn bộ phận kinh doanh chính là gia vị, thực phẩm tiện lợi, đồ uống và các bộ phận kinh doanh khác. Các bộ phận kinh doanh khác chủ yếu là dịch vụ cho thuê nhà kho.

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Gia vị VND'000	Thực phẩm tiện lợi (*) VND'000	Đồ uống (*) VND'000	Khác VND'000	Hợp nhất VND'000
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	2.356.378.466	1.823.272.152	1.615.540.307	8.350.150	5.803.541.075
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.265.011.935	638.434.176	578.345.868	7.976.416	2.489.768.395
Kết quả kinh doanh của bộ phận	882.082.778	220.365.074	(4.763.506)	7.976.416	1.105.660.762
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					225.071.624
Doanh thu hoạt động tài chính					272.953.596
Chi phí tài chính					54.628.105
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					1.098.914.629
Thu nhập khác					2.623.499
Chi phí khác					3.522.426
Chi phí thuế TNDN					133.097.264
Lợi nhuận sau thuế TNDN					964.918.438

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Gia vị VND'000	Thực phẩm tiện lợi (*) VND'000	Đồ uống (*) VND'000	Khác VND'000	Hợp nhất VND'000
Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2015					
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	2.256.694.079	2.036.813.273	1.259.798.535	32.183.475	5.585.489.362
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.269.586.520	731.103.470	434.412.604	10.521.265	2.445.623.859
Kết quả kinh doanh của bộ phận	884.038.070	343.979.876	(78.418.217)	10.521.265	1.160.120.994
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					176.301.810
Doanh thu hoạt động tài chính					680.542.637
Chi phí tài chính					254.023.252
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					1.410.338.569
Thu nhập khác					2.537.839
Chi phí khác					3.836.619
Chi phí thuế TNDN					194.939.314
Lợi nhuận sau thuế TNDN					1.214.100.475

Kết quả kinh doanh của bộ phận là doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ là chi phí quản lý doanh nghiệp mà Ban Giám đốc tin rằng không thể phân bổ các chi phí này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Những chi phí này phát sinh ở cấp độ Tập đoàn.

(*) Kết quả kinh doanh của bộ phận Thực phẩm tiện lợi và Đồ uống bao gồm khấu hao lợi thế thương mại với số tiền là 33.268 triệu VND (30/6/2015: 32.323 triệu VND), khấu hao tài sản cố định vô hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 72.246 triệu VND (30/6/2015: 69.052 triệu VND) và khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 12.297 triệu VND (30/6/2015: 12.695 triệu VND) trong kỳ.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Gia vị VND*000	Thực phẩm tiện lợi VND*000	Đồ uống VND*000	Hợp nhất VND*000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Tài sản bộ phận	1.599.724.580	1.292.621.867	3.062.970.678	5.955.317.125
Tài sản không phân bổ				8.476.350.777
Tổng tài sản				14.431.667.902
Nợ phải trả bộ phận	188.771.270	197.007.557	641.779.533	1.027.558.360
Các khoản nợ không phân bổ				2.918.458.907
Tổng nợ phải trả				3.946.017.267
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Chi tiêu vốn	42.394.811	9.566.665	56.106.973	108.068.449
Chi tiêu vốn không phân bổ	-	-	-	194.148.571
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	77.370.780	53.564.486	58.835.509	189.770.775
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ	-	-	-	13.957.686
Khấu hao tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	3.076.898	10.730.706	107.894.454	121.702.058
Khấu hao tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn không phân bổ	-	-	-	22.870.932

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Gia vị VND'000	Thực phẩm tiện lợi VND'000	Đồ uống VND'000	Hợp nhất VND'000
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016				
Tài sản bộ phận	1.462.565.697	1.200.498.322	3.172.238.931	5.835.302.950
Tài sản không phân bổ				11.755.343.560
Tổng tài sản				17.590.646.510
Nợ phải trả bộ phận	113.543.170	119.183.004	756.352.583	989.078.757
Các khoản nợ không phân bổ				3.786.120.749
Tổng nợ phải trả				4.775.199.506
Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2015				
Chi tiêu vốn	80.255.932	28.199.372	175.355.245	283.810.549
Chi tiêu vốn không phân bổ	-	-	-	201.065.179
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	61.306.700	47.504.097	47.979.614	156.790.411
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ	-	-	-	3.508.841
Khấu hao tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	2.924.861	9.257.859	100.764.704	112.947.424
Khấu hao tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn không phân bổ	-	-	-	56.348.464

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các tài sản không phân bổ và các khoản nợ không phân bổ như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND'000	VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.865.147.142	3.366.663.622
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	3.070.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.502.618.096	316.474.529
Hàng tồn kho	142.536.304	87.861.391
Tài sản ngắn hạn khác	33.994.026	49.745.233
Các khoản phải thu dài hạn	24.843.222	7.123.035.720
Tài sản cố định	318.722.511	286.532.885
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	330.152.806	378.283.553
Tài sản dài hạn khác	187.836.670	146.746.627
Tài sản không phân bổ	8.476.350.777	11.755.343.560
Phải trả người bán ngắn hạn	181.114.837	526.112.327
Người mua trả tiền trước	13.495.168	18.283.250
Thuế phải nộp Nhà nước	136.864.787	239.418.538
Phải trả người lao động	32.616.143	8.615
Chi phí phải trả	522.255.078	530.660.380
Phải trả ngắn hạn khác	26.821.585	14.874.943
Vay ngắn hạn	1.559.318.605	1.928.631.096
Phải trả dài hạn khác	2.153.668	3.009.210
Vay dài hạn	251.684.268	319.890.280
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	192.134.768	205.232.110
Các khoản nợ không phân bổ	2.918.458.907	3.786.120.749

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động trong một vùng địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Hợp nhất kinh doanh và giao dịch với cổ đông không kiểm soát

(a) Mua lại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN – giao dịch không chịu sự kiểm soát chung

Trong tháng 5 năm 2016, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“VCF”), một công ty con của Công ty, đã mua lại 85% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”) với số tiền 35.000 triệu VND không bao gồm chi phí giao dịch. Việc mua lại này dẫn đến Công ty nắm giữ 51.14% lợi ích kinh tế trong CDN tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Việc mua lại này có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND'000	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.444.375	-	23.444.375
Phải thu của khách hàng	361.699	-	361.699
Trả trước cho người bán	20.893.842	-	20.893.842
Hàng tồn kho	4.437.566	-	4.437.566
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.573.380	-	1.573.380
Phải thu ngắn hạn khác	394.449	-	394.449
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.614.398	-	1.614.398
Tài sản cố định hữu hình	8.023.114	-	8.023.114
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	512.820	-	512.820
Chi phí trả trước dài hạn	1.203.165	-	1.203.165
Tài sản thuế hoãn lại	28.466	-	28.466
Phải trả người bán ngắn hạn	(575.538)	-	(575.538)
Thuế phải nộp Nhà nước	(111.135)	-	(111.135)
Phải trả người lao động	(412.232)	-	(412.232)
Chi phí phải trả	(1.567.029)	-	(1.567.029)
Phải trả ngắn hạn khác	(616.760)	-	(616.760)
Vay ngắn hạn	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Tổng tài sản thuần có thể xác định được mua	9.204.580	-	9.204.580
Phần tài sản thuần được mua			7.823.893
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại (Thuyết minh 19)			27.176.107
Khoản thanh toán cho việc mua lại			35.000.000
Khoản tiền thu được			(23.444.375)
Tiền thuần chi ra			11.555.625

Lợi thế thương mại được ghi nhận từ việc mua lại liên quan chủ yếu đến khả năng hiệp lực mà Ban Giám đốc kỳ vọng đạt được từ việc hợp nhất công ty được mua vào hoạt động kinh doanh hiện hành của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong giai đoạn từ ngày mua đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, hoạt động kinh doanh được mua đã đóng góp 1.590 triệu VND doanh thu thuần và 3.370 triệu VND lỗ thuần vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

(b) Mua thêm vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Vốn cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”) tăng từ 63,95% lên 88,56% do kết quả của việc mua thêm 24,61% vốn sở hữu của VHC như sau:

- Vào ngày 6 tháng 1 năm 2016, Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”), một công ty con của Công ty, đã mua thêm 2.657.641 cổ phiếu của VHC, với tổng số tiền là 113.922 triệu VND.
- Vào ngày 28 tháng 4 năm 2016, MSB mua thêm 566.288 cổ phiếu của VHC, với tổng số tiền là 23.275 triệu VND.

Các việc mua lại có ảnh hưởng như sau:

	VND'000
Chi phí mua lại – bằng tiền	137.196.800
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được mua	(135.083.880)
	<hr/>
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 25)	2.112.920
	<hr/>

(c) Mua thêm vốn cổ phần của VCF

Vào ngày 24 tháng 2 năm 2016, MSB mua thêm 1.850.000 cổ phiếu của VCF với tổng số tiền là 290.595 triệu VND. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty trong VCF tăng từ 53,20% lên 60,16%.

Việc mua lại có ảnh hưởng như sau:

	VND'000
Chi phí mua lại – bằng tiền	290.595.425
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được mua	(144.556.606)
	<hr/>
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 25)	146.038.819
	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Mua thêm vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2016, MSB mua thêm 54.100 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”), với tổng số tiền là 623 triệu VND. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty trong QNW tăng từ 65,00% lên 65,68%.

Việc mua lại có ảnh hưởng như sau:

	VND'000
Chi phí mua lại – bằng tiền	622.862
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được mua	(1.370.695)
	(747.833)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Tiền mặt	1.307.811	6.714.138	114.741	215.099
Tiền gửi ngân hàng	280.139.331	255.799.484	91.096.046	20.912.806
Các khoản tương đương tiền	2.583.700.000	3.104.150.000	1.416.300.000	1.427.300.000
	2.865.147.142	3.366.663.622	1.507.510.787	1.448.427.905

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.070.500.000	-	2.473.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Form B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Tập đoàn

	30/6/2016		1/1/2016					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị còn lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND'000	Giá trị còn lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND'000
Đầu tư vào công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (***)	2.659.217	32,8%	32,8%	2.660.217	32,8%	32,8%	252.938.760	254.802.293
Công ty								
Đầu tư vào các công ty con:								
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (*)	Không áp dụng	100%	100%	Không áp dụng	100%	100%	1.833.100.009	1.833.100.009
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (**)	Không áp dụng	100%	100%	Không áp dụng	100%	100%	2.248.700.000	1.856.200.000
							4.081.800.009	3.689.300.009

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty không có khoản dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 2015.

- (*) Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan có 8 công ty con, bao gồm Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (“MSI”), Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”), Công ty Cổ phần Ma San PQ (“MPQ”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“MHD”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”), Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (“SNF”) và Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc (“NNPQ”). Các công ty con này, ngoại trừ MHG, SNF và NNPQ, là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. MHG và NNPQ lần lượt được thành lập trong năm 2015 và 2016 và tại ngày phát hành các báo cáo tài chính giữa niên độ này, các công ty này vẫn chưa đi vào hoạt động. SNF là công ty sản xuất và phân phối hầu hết các sản phẩm trực tiếp ra thị trường. Xem thêm Thuyết minh 1(d) trình bày về hoạt động chính của các công ty con và Thuyết minh 37 về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (**) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage có 5 công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“VCF”), Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”), Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”), Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha và Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”). VCF, VHC và QNW là các công ty sản xuất đồ uống và phân phối sản phẩm trực tiếp ra thị trường. CDN là công ty sản xuất đồ uống. Xem thêm Thuyết minh 1(d) trình bày về hoạt động chính của các công ty con và Thuyết minh 37 về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (***) Trong kỳ, Tập đoàn không có giao dịch trọng yếu nào với Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“CLX”). Xem thêm Thuyết minh 1(d) trình bày về hoạt động chính của CLX.

Biến động giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết của Tập đoàn trong kỳ như sau:

<u>Tập đoàn</u>	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex VND’000
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết	254.802.293
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua từ công ty liên kết trong kỳ	3.456.901
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết liên quan đến giai đoạn trước ngày mua	(5.320.434)
	252.938.760

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2016</u>	<u>1/1/2016</u>	<u>30/6/2016</u>	<u>1/1/2016</u>
	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>
Các công ty con				
▪ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	-	-	20.313.480	23.576.154
▪ Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa	-	-	5.834.581	62.664.307
▪ Công ty Cổ phần Ma San PQ	-	-	15.718	-
Các bên liên quan				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	-	218.587	-	218.587
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	-	16.639.971	-	16.639.971
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	-	6.957.627	-	6.957.627

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 – 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan (*)				
▪ Lợi nhuận tạm ứng và được phân phối phải thu	-	-	1.214.628.413	1.697.197.677
▪ Lãi dự thu (**)	69.961.067	-	69.961.067	-
▪ Phí dịch vụ quản lý	16.692.542	-	87.792.435	-
▪ Phải thu khác	11.546.396	-	-	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	31.582.383	6.134.424	18.807.234	3.022.708
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	7.473.355	15.378.332	3.987.182	7.904.389
Phải thu khác	8.121.212	5.685.952	1.653.077	2.138.093
	<hr/> 145.376.955	<hr/> 27.198.708	<hr/> 1.396.829.408	<hr/> 1.710.262.867

(*) Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

(**) Khoản phải thu này liên quan đến thu nhập lãi phải thu từ khoản vay Công ty cấp cho các bên liên quan. Xem thêm Thuyết minh 13 và 37 để biết thêm thông tin.

(b) Phải thu dài hạn khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Lãi dự thu	-	373.495.304	-	373.495.304
Các khoản ký quỹ dài hạn	24.843.222	19.926.348	21.547.645	19.083.330
	<hr/> 24.843.222	<hr/> 393.421.652	<hr/> 21.547.645	<hr/> 392.578.634

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

<u>Tập đoàn</u>	30/6/2016			1/1/2016		
	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá trị có thể thu hồi VND'000	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá trị có thể thu hồi VND'000
Số ngày quá hạn						
0 – 30 ngày	38.257.481	-	38.257.481	53.855.360	-	53.855.360
31 – 180 ngày	1.390.624	-	1.390.624	1.274.691	-	1.274.691
181 – 365 ngày	167.585	(50.276)	117.309	112.707	(33.812)	78.895
Trên 365 ngày	840.835	(707.493)	133.342	1.469.678	(771.990)	697.688
	40.656.525	(757.769)	39.898.756	56.712.436	(805.802)	55.906.634
Dự phòng phải thu khó đòi		(757.769)			(805.802)	

12. Hàng tồn kho

<u>Tập đoàn</u>	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000
Hàng mua đang đi trên đường	58.050.522	-	52.076.695	-
Nguyên vật liệu	553.385.267	(13.614.418)	460.875.352	(10.283.181)
Công cụ và dụng cụ	72.056.404	-	66.744.431	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	66.476.466	-	54.162.719	-
Thành phẩm	305.636.066	(6.157.313)	169.571.820	(5.906.340)
Hàng hóa	7.600.180	(706.496)	3.423.606	(433.380)
Hàng gửi đi bán	1.207.332	-	-	-
	1.064.412.237	(20.478.227)	806.854.623	(16.622.901)
<u>Công ty</u>				
Hàng mua đang đi trên đường	7.732.612	-	5.608.828	-
Nguyên vật liệu	16.941.773	(5.348.973)	18.443.145	-
Công cụ và dụng cụ	55.000	-	55.000	-
Thành phẩm	49.265	-	-	-
Hàng hóa	109.425.829	(698.721)	50.310.204	-
	134.204.479	(6.047.694)	74.417.177	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2016	30/6/2015
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Số dư đầu kỳ	16.622.901	22.318.186	-	36.906
Tăng dự phòng trong kỳ	27.514.490	51.960.714	6.694.438	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(19.358.418)	(42.680.085)	(646.744)	-
Hoàn nhập dự phòng	(4.300.746)	(362.130)	-	-
Số dư cuối kỳ	20.478.227	31.236.685	6.047.694	36.906

Bao gồm trong hàng tồn kho của Tập đoàn và Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có lần lượt 20.478 triệu VND và 6.048 triệu VND (1/1/2016: 16.623 triệu VND và Không) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

13. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Các khoản cho vay phải thu từ các bên liên quan:				
▪ Công ty mẹ	1.242.716.877	-	-	-
▪ Công ty con	-	-	1.242.716.877	-
	1.242.716.877	-	1.242.716.877	-

Khoản cho vay phải thu không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm 6% trong kỳ. Các khoản vay này đến hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản lãi sẽ được thu vào ngày đến hạn của khoản vay.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

<u>Tập đoàn</u>	Nhà cửa VND'000	Nâng cấp tài sản thuê VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	1.024.775.105	10.622.458	54.463.116	2.621.959.990	31.726.050	3.743.546.719
Tăng từ mua công ty con	-	-	66.966	7.431.657	524.491	8.023.114
Tăng trong kỳ	-	-	107.569	1.257.820	-	1.365.389
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	28.350.132	52.673.016	9.575.115	367.518.905	88.715	458.205.883
Chuyển từ/(chuyển sang) chi phí trả trước dài hạn	(1.624.302)	-	-	3.132.849	-	1.508.547
Phân loại lại	-	-	266.358	138.077	(404.435)	-
Thanh lý	(827.829)	(7.192.578)	(2.201.041)	(4.722.509)	-	(14.943.957)
Xóa sổ	-	-	-	(553.503)	-	(553.503)
Số dư cuối kỳ	1.050.673.106	56.102.896	62.278.083	2.996.163.286	31.934.821	4.197.152.192
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	169.394.044	9.215.701	26.115.842	931.850.243	14.349.604	1.150.925.434
Khấu hao trong kỳ	30.795.663	4.453.545	3.993.106	162.437.394	2.048.753	203.728.461
Phân loại lại	-	-	146.042	115.413	(261.455)	-
Thanh lý	(308.176)	(6.688.215)	(1.773.918)	(4.309.017)	-	(13.079.326)
Xóa sổ	-	-	-	(553.503)	-	(553.503)
Số dư cuối kỳ	199.881.531	6.981.031	28.481.072	1.089.540.530	16.136.902	1.341.021.066
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	855.381.061	1.406.757	28.347.274	1.690.109.747	17.376.446	2.592.621.285
Số dư cuối kỳ	850.791.575	49.121.865	33.797.011	1.906.622.756	15.797.919	2.856.131.126

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2015

Tập đoàn	Nhà cửa VND'000	Nâng cấp tài sản thuế VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	858.633.025	10.622.458	36.688.562	2.091.650.938	30.739.206	3.028.334.189
Tăng từ mua công ty con	916.356	-	119.682	10.553.332	815.751	12.405.121
Tăng trong kỳ	142.653	-	34.890	1.573.802	38.076	1.789.421
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	28.938.075	-	7.013.707	157.732.376	1.471.726	195.155.884
Phân loại lại	(15.115.296)	-	1.885.918	13.229.378	-	-
Thanh lý	(1.731.571)	-	-	(8.819.313)	(1.988.731)	(12.539.615)
Số dư cuối kỳ	871.783.242	10.622.458	45.742.759	2.265.920.513	31.076.028	3.225.145.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	122.598.066	7.718.774	19.781.079	678.376.476	14.647.115	843.121.510
Khấu hao trong kỳ	25.849.112	748.463	2.749.572	129.089.899	1.862.206	160.299.252
Phân loại lại	(4.763.097)	-	783.623	3.979.474	-	-
Thanh lý	(1.153.750)	-	-	(6.944.956)	(1.958.124)	(10.056.830)
Số dư cuối kỳ	142.530.331	8.467.237	23.314.274	804.500.893	14.551.197	993.363.932
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	736.034.959	2.903.684	16.907.483	1.413.274.462	16.092.091	2.185.212.679
Số dư cuối kỳ	729.252.911	2.155.221	22.428.485	1.461.419.620	16.524.831	2.231.781.068

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty	Nhà cửa VND'000	Nâng cấp tài sản thuê VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	1.874.006	10.622.457	22.524.527	3.630.220	16.372.103	55.023.313
Tăng trong kỳ	-	-	66.200	48.751	-	114.951
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	52.258.545	-	-	-	52.258.545
Thanh lý	(362.326)	(7.192.578)	(1.096.150)	-	-	(8.651.054)
Số dư cuối kỳ	1.511.680	55.688.424	21.494.577	3.678.971	16.372.103	98.745.755
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.579.471	9.215.701	8.255.543	2.105.676	12.203.593	33.359.984
Khấu hao trong kỳ	19.346	4.453.545	1.050.205	252.500	545.572	6.321.168
Thanh lý	(96.269)	(7.102.686)	(643.531)	-	-	(7.842.486)
Số dư cuối kỳ	1.502.548	6.566.560	8.662.217	2.358.176	12.749.165	31.838.666
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	294.535	1.406.756	14.268.984	1.524.544	4.168.510	21.663.329
Số dư cuối kỳ	9.132	49.121.864	12.832.360	1.320.795	3.622.938	66.907.089

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2015

Công ty	Nhà cửa VND'000	Nâng cấp tài sản thuê VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	1.874.006	10.622.457	8.290.500	3.392.020	15.807.304	39.986.287
Tăng trong kỳ	-	-	34.890	-	-	34.890
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	7.013.706	183.550	728.435	7.925.691
Thanh lý	-	-	-	-	(163.636)	(163.636)
Số dư cuối kỳ	1.874.006	10.622.457	15.339.096	3.575.570	16.372.103	47.783.232
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.442.294	7.718.774	6.915.189	984.714	11.148.399	28.209.370
Khấu hao trong kỳ	106.552	748.463	325.148	865.699	619.133	2.664.995
Thanh lý	-	-	-	-	(163.636)	(163.636)
Số dư cuối kỳ	1.548.846	8.467.237	7.240.337	1.850.413	11.603.896	30.710.729
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	431.712	2.903.683	1.375.311	2.407.306	4.658.905	11.776.917
Số dư cuối kỳ	325.160	2.155.220	8.098.759	1.725.157	4.768.207	17.072.503

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản có nguyên giá lần lượt là 191.181 triệu VND và 18.600 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 147.224 triệu VND và 25.341 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn và công ty mẹ.

Không có tài sản cố định hữu hình nào không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 2.555 triệu VND).

Giá trị còn lại của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn là 11.324 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 64.989 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

<u>Tập đoàn</u>	Quyền sử dụng đất VND'000	Phần mềm máy vi tính VND'000	Quyền khai thác VND'000	Thương hiệu VND'000	Quan hệ khách hàng VND'000	Nguồn nước khoáng VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	123.577.685	266.353.639	88.408.197	757.478.531	404.114.912	412.697.764	2.052.630.728
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản đờ đang	-	6.774.003	-	876.285	-	-	7.650.288
Số dư cuối kỳ	123.577.685	273.127.642	88.408.197	758.354.816	404.114.912	412.697.764	2.060.281.016
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	22.787.495	30.082.466	2.594.792	251.480.916	283.205.016	7.593.782	597.744.467
Khấu hao trong kỳ	1.995.294	16.425.061	2.290.878	33.403.978	36.134.168	2.752.628	93.002.007
Số dư cuối kỳ	24.782.789	46.507.527	4.885.670	284.884.894	319.339.184	10.346.410	690.746.474
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	100.790.190	236.271.173	85.813.405	505.997.615	120.909.896	405.103.982	1.454.886.261
Số dư cuối kỳ	98.794.896	226.620.115	83.522.527	473.469.922	84.775.728	402.351.354	1.369.534.542

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Tập đoàn	Quyền sử dụng đất VND'000	Phần mềm máy vi tính VND'000	Quyền khai thác VND'000	Thương hiệu VND'000	Quan hệ khách hàng VND'000	Nguồn nước khoáng VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	170.253.882	24.913.998	-	703.366.175	375.110.435	305.335.825	1.578.980.315
Tăng từ mua công ty con	-	92.674	-	14.298.498	26.456.732	-	40.847.904
Tăng trong kỳ	-	-	74.845.198	-	-	-	74.845.198
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	133.940.876	-	-	-	-	133.940.876
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(32.295.242)	(781)	-	-	-	-	(32.296.023)
Số dư cuối kỳ	137.958.640	158.946.767	74.845.198	717.664.673	401.567.167	305.335.825	1.796.318.270
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	24.053.305	12.600.990	-	188.005.104	211.106.529	4.990.200	440.756.128
Khấu hao trong kỳ	2.121.595	2.557.209	1.084.222	31.741.053	36.049.244	1.301.791	74.855.114
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.850.835)	(781)	-	-	-	-	(3.851.616)
Số dư cuối kỳ	22.324.065	15.157.418	1.084.222	219.746.157	247.155.773	6.291.991	511.759.626
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	146.200.577	12.313.008	-	515.361.071	164.003.906	300.345.625	1.138.224.187
Số dư cuối kỳ	115.634.575	143.789.349	73.760.976	497.918.516	154.411.394	299.043.834	1.284.558.644

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty	Phần mềm máy vi tính VND'000	Thương hiệu VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	251.458.065	636.364	252.094.429
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.774.003	-	6.774.003
Số dư cuối kỳ	258.232.068	636.364	258.868.432
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	25.176.984	622.728	25.799.712
Khấu hao trong kỳ	15.547.229	9.091	15.556.320
Số dư cuối kỳ	40.724.213	631.819	41.356.032
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	226.281.081	13.636	226.294.717
Số dư cuối kỳ	217.507.855	4.545	217.512.400

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Công ty	Phần mềm máy vi tính VND'000	Thương hiệu VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	10.382.539	636.364	11.018.903
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	133.940.876	-	133.940.876
Số dư cuối kỳ	144.323.415	636.364	144.959.779
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	9.463.328	598.252	10.061.580
Khấu hao trong kỳ	1.668.446	15.385	1.683.831
Số dư cuối kỳ	11.131.774	613.637	11.745.411
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	919.211	38.112	957.323
Số dư cuối kỳ	133.191.641	22.727	133.214.368

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản có nguyên giá lần lượt là 11.144 triệu VND và 9.811 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 9.894 triệu VND và 9.811 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2016	30/6/2015
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Số dư đầu kỳ	719.382.303	719.169.776	58.811.350	192.320.297
Tăng từ mua công ty con	512.820	-	-	-
Tăng trong kỳ	325.455.696	369.993.373	27.687.102	79.851.366
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(458.205.883)	(195.155.884)	(52.258.545)	(7.925.691)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(7.650.288)	(133.940.876)	(6.774.003)	(133.940.876)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(41.101.181)	(5.937.704)	(11.783.388)	(717.185)
Thanh lý	(3.890.482)	(825.000)	(3.890.482)	-
Số dư cuối kỳ	534.502.985	753.303.685	11.792.034	129.587.911

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2016		30/6/2016	
	1/1/2016	1/1/2016	1/1/2016	1/1/2016
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Nhà cửa	301.746.390	207.144.409	84.843	55.268.590
Máy móc và thiết bị	195.247.379	481.713.466	-	-
Phần mềm máy vi tính	11.707.191	3.542.760	11.707.191	3.542.760
Khác	25.802.025	26.981.668	-	-
Số dư cuối kỳ	534.502.985	719.382.303	11.792.034	58.811.350

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Tập đoàn và công ty mẹ.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn và Công ty lần lượt là 7.207 triệu VND và Không (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 55.976 triệu VND và 11.756 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước dài hạn

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tập đoàn	Chi phí đất trả trước VND'000	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND'000	Công cụ và dụng cụ VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư đầu kỳ	45.566.426	31.343.712	50.037.200	126.947.338
Tăng từ mua công ty con	-	-	1.203.165	1.203.165
Tăng trong kỳ	-	-	3.021.834	3.021.834
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	41.101.181	41.101.181
Chuyển thuần sang tài sản cố định hữu hình	-	-	(1.508.547)	(1.508.547)
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	154.486	154.486
Phân bổ trong kỳ	(603.423)	(1.567.186)	(16.132.335)	(18.302.944)
Thanh lý	-	-	(1.920)	(1.920)
Số dư cuối kỳ	44.963.003	29.776.526	77.875.064	152.614.593

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Tập đoàn	Chi phí đất trả trước VND'000	Công cụ và dụng cụ VND'000	Phí thu xếp VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư đầu kỳ	2.171.098	30.068.600	155.376.678	187.616.376
Tăng từ mua công ty con	-	286.394	-	286.394
Tăng trong kỳ	-	5.953.443	-	5.953.443
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	28.444.407	-	-	28.444.407
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	5.937.704	-	5.937.704
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	1.353.873	-	1.353.873
Phân bổ trong kỳ	(355.784)	(11.251.877)	(49.177.448)	(60.785.109)
Thanh lý	-	(48.043)	-	(48.043)
Số dư cuối kỳ	30.259.721	32.300.094	106.199.230	168.759.045

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Công cụ và dụng cụ	
	30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000
Số dư đầu kỳ	2.754.250	3.381.423
Tăng trong kỳ	250.221	73.931
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.783.388	717.185
Phân bổ trong kỳ	(2.338.690)	(1.080.318)
Số dư cuối kỳ	12.449.169	3.092.221

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, không có chi phí đất trả trước nào (1/1/2016: 15.709 triệu VND) của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Tập đoàn.

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

Tập đoàn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND'000	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND'000	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND'000	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND'000
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	69.639.754	-	79.681.805	-
Chi phí kho vận phải trả	18.222.262	-	8.313.593	-
Chiết khấu thương mại phải trả	6.674.808	-	6.899.887	-
Chi phí phải trả khác	29.420.067	-	18.713.218	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	7.115.481	-	3.470.379	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(7.166.806)	-	(8.947.644)
Tài sản cố định vô hình	-	(184.967.962)	-	(196.284.466)
	131.072.372	(192.134.768)	117.078.882	(205.232.110)

Công ty

	30/6/2016	1/1/2016
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND'000	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND'000
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	51.477.397	63.434.596
Chi phí kho vận phải trả	14.073.847	4.725.942
Chiết khấu thương mại phải trả	4.115.158	4.062.726
Chi phí phải trả khác	10.984.915	11.539.478
	80.651.317	83.762.742

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Lợi thế thương mại

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	666.785.307	520.944.888
Tăng trong kỳ (Thuyết minh 6(a))	27.176.107	131.468.134
Số dư cuối kỳ	693.961.414	652.413.022
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	201.756.740	135.920.050
Khấu hao trong kỳ	33.268.039	33.513.734
Số dư cuối kỳ	235.024.779	169.433.784
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	465.028.567	385.024.838
Số dư cuối kỳ	458.936.635	482.979.238

20. Phải trả người bán – ngắn hạn và dài hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

<u>Tập đoàn</u>	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Ngắn hạn	765.080.950	765.080.950	888.714.669	888.714.669
Dài hạn	67.851.414	67.851.414	75.845.316	75.845.316
	832.932.364	832.932.364	964.559.985	964.559.985
<hr/>				
<u>Công ty</u>	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Ngắn hạn	1.207.006.322	1.207.006.322	1.668.709.011	1.668.709.011

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a –DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2016</u>	<u>1/1/2016</u>	<u>30/6/2016</u>	<u>1/1/2016</u>
	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>
Các công ty con				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	-	-	138.539.682	344.787.533
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	-	-	399.157.732	508.010.104
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	-	-	119.697.945	328.550.461
▪ Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo	-	-	-	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	-	-	450.492.379	273.111.052
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	-	-	1.712.350	3.675.717
Các bên liên quan				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	143.528	-	84.963	-

Các khoản phải trả thương mại đối với các công ty con và các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a –DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế phải nộp Nhà nước

<u>Tập đoàn</u>	Mua công ty con		Phát sinh VND'000	Nộp/hoàn lại VND'000	Cán trừ VND'000	30/6/2016 VND'000
	1/1/2016 VND'000	VND'000				
Thuế giá trị gia tăng	110.670.582	-	1.009.320.461	(227.721.707)	(839.286.154)	52.983.182
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	3.984.018	(3.984.018)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	164.291.190	-	160.159.630	(212.651.726)	-	111.799.094
Thuế thu nhập cá nhân	2.132.725	111.135	34.642.496	(32.672.790)	(154.702)	4.058.864
Các loại thuế khác	880.995	-	7.634.789	(7.805.672)	-	710.112
	277.975.492	111.135	1.215.741.394	(484.835.913)	(839.440.856)	169.551.252
<u>Công ty</u>						
Thuế giá trị gia tăng	52.195.476	-	431.872.659	(52.204.818)	(431.863.317)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.263.375	-	-	(66.057.682)	-	1.205.693
Thuế thu nhập cá nhân	1.334.576	27.709.396	27.709.396	(25.931.277)	-	3.112.696
	120.793.427	459.582.055	459.582.055	(144.193.777)	(431.863.317)	4.318.389

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a –DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	378.779.177	442.111.167	257.386.987	317.172.982
Chi phí kho vận	101.427.198	53.668.827	70.369.237	23.629.711
Chi phí trung bày	22.502.151	23.335.863	17.943.913	19.157.715
Thưởng và lương tháng 13	46.552.547	80.883.702	19.589.417	36.145.815
Chiết khấu bán hàng	36.517.784	43.210.818	20.575.788	20.313.630
Chi phí nghiên cứu thị trường	18.499.953	28.512.695	14.619.731	18.248.507
Chi phí lãi vay	3.253.094	2.795.596	632.554	844.610
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.081.477	9.692.425	-	-
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	74.900.704	42.307.538	9.940.072	7.562.223
Phải trả liên quan đến giao dịch mua	-	77.788.700	-	-
Chi phí khác	97.380.452	60.654.372	22.284.081	20.291.162
	786.894.537	864.961.703	433.341.780	463.366.355

23. Phải trả khác – ngắn hạn và dài hạn

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Phải trả về cổ phần hóa của một công ty con	-	81.604.799	-	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	11.634.844	8.626.250	7.583.242	6.734.857
Ký quỹ ngắn hạn	4.939.971	6.444.168	-	900.000
Các khoản phải trả khác	13.258.924	7.803.783	10.845.186	4.845.611
	29.833.739	104.479.000	18.428.428	12.480.468

(b) Phải trả dài hạn khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Ký quỹ dài hạn	20.989.911	22.803.868	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay

(a) Vay ngắn hạn

Tập đoàn

	1/1/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Vay ngắn hạn	1.821.049.414	1.821.049.414	4.117.604.421	(4.512.991.412)	1.475.662.423	1.475.662.423
Vay dài hạn đến hạn trả	107.581.682	107.581.682	83.656.182	(107.581.682)	83.656.182	83.656.182
	1.928.631.096	1.928.631.096	4.201.260.603	(4.620.573.094)	1.559.318.605	1.559.318.605

Công ty

	1/1/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Vay ngắn hạn	953.440.779	953.440.779	2.878.958.860	(2.998.583.083)	833.816.556	833.816.556

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Vay ngắn hạn						
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,4% - 4,8%	390.520.509	561.916.300	-	-
▪ Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	4,5% - 4,8%	1.065.035.914	1.259.133.114	813.710.556	953.440.779
▪ Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	1,9%	20.106.000	-	20.106.000	-
			1.475.662.423	1.821.049.414	833.816.556	953.440.779

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được bảo lãnh bởi Công ty.

(b) Vay dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Vay dài hạn	335.340.450	427.471.962	-	-
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(83.656.182)	(107.581.682)	-	-
Hoàn trả sau 12 tháng	251.684.268	319.890.280	-	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn		Công ty	
				30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000	30/6/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Vay dài hạn							
▪ Khoản vay có đảm bảo	VND	7%	2020	335.340.450	427.471.962	-	-

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 598.469 triệu VND (1/1/2016: 784.683 triệu VND) (Thuyết minh 14), chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 271.249 triệu VND (1/1/2016: 427.871 triệu VND) (Thuyết minh 16).

Trong kỳ, Tập đoàn và Công ty đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn và Công ty không có khoản nợ gốc và lãi quá hạn nào.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND'000		Thặng dư vốn cổ phần VND'000		Vốn khác của chủ sở hữu VND'000		Cổ phiếu quỹ VND'000		Quỹ đầu tư phát triển (*) VND'000		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND'000		Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND'000		Tổng cộng VND'000	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	5.313.263.220		5.088.056.395		(265.775.657)		(1.640.252.631)		22.731.973		3.245.457.981		1.128.253.921		12.891.735.202	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-		-		-		-		-		1.224.359.140		(10.258.665)		1.214.100.475	
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-		-		-		-		-		(3.079.957.932)		-		(3.079.957.932)	
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-		-		-		-		-		(1.452.567)		-		(1.452.567)	
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của công ty con	-		-		-		-		-		(830.686)		(730.664)		(1.561.350)	
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua lại	-		-		-		-		-		-		137		137	
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	5.313.263.220		5.088.056.395		(265.775.657)		(1.640.252.631)		22.731.973		1.387.575.936		1.117.264.729		11.022.863.965	

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tập đoàn	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn	Vốn khác của	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau		Tổng cộng
	VND'000	cổ phần	chủ sở hữu			thuế chưa	đồng không	
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	phát triển (*)	VND'000	VND'000	VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	5.351.601.170	5.088.056.395	(265.775.657)	(1.640.252.631)	22.731.973	2.984.708.427	1.274.377.327	12.815.447.004
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 26)	30.000.000	-	-	-	-	-	-	30.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	962.560.615	2.357.823	964.918.438
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(2.896.096.655)	-	(2.896.096.655)
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của công ty con	-	-	-	-	-	(984.174)	(599.578)	(1.583.752)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua lại (Thuyết minh 6(a))	-	-	-	-	-	-	1.380.687	1.380.687
Mua thêm cổ phần của các công ty con (Thuyết minh 6(b), 6(c) và 6(d))	-	-	-	-	-	(147.403.906)	(281.011.181)	(428.415.087)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	5.381.601.170	5.088.056.395	(265.775.657)	(1.640.252.631)	22.731.973	902.784.307	996.505.078	10.485.650.635

(*) Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông Thương Niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Cổ phiếu quỹ VND'000	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND'000		Tổng cộng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	5.313.263.220	5.088.056.395	(1.640.252.631)	2.740.561.072	11.501.628.056	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	599.012.227	599.012.227	
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.452.567)	(1.452.567)	
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(3.079.957.932)	(3.079.957.932)	
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	5.313.263.220	5.088.056.395	(1.640.252.631)	258.162.800	9.019.229.784	
Số dư tại ngày 1 tháng 6 năm 2016	5.351.601.170	5.088.056.395	(1.640.252.631)	2.658.498.306	11.457.903.240	
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 26)	30.000.000	-	-	-	30.000.000	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	249.295.231	249.295.231	
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(2.896.096.655)	(2.896.096.655)	
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	5.381.601.170	5.088.056.395	(1.640.252.631)	11.696.882	8.841.101.816	

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	538.160.117	5.381.601.170	535.160.117	5.351.601.170
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631	18.000.000	1.640.252.631
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	520.160.117	5.201.601.170	517.160.117	5.171.601.170
Thặng dư vốn cổ phần	-	5.088.056.395	-	5.088.056.395

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần hiện đang lưu hành trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND'000	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND'000
Số dư đầu kỳ - hiện đang lưu hành	517.160.117	5.171.601.170	513.326.322	5.133.263.220
Cổ phiếu đã phát hành trong kỳ	3.000.000	30.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ - hiện đang lưu hành	520.160.117	5.201.601.170	513.326.322	5.133.263.220

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường Niên của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2016 đã quyết định chia và tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 2.896.097 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 3.079.958 triệu VND).

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2016</u>	<u>1/1/2016</u>	<u>30/6/2016</u>	<u>1/1/2016</u>
	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>
Trong vòng một năm	106.517.119	97.315.640	81.527.713	61.898.765
Trong vòng hai đến năm năm	146.357.743	169.304.282	127.178.425	139.592.752
	<u>252.874.862</u>	<u>266.619.922</u>	<u>208.706.138</u>	<u>201.491.517</u>

(b) Ngoại tệ

Tập đoàn

	<u>30/6/2016</u>		<u>1/1/2016</u>	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>Tương đương VND'000</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>Tương đương VND'000</u>
USD	6.391.461	142.273.922	6.045.007	135.401.816

Công ty

	<u>30/6/2016</u>		<u>1/1/2016</u>	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>Tương đương VND'000</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>Tương đương VND'000</u>
USD	379.361	8.444.582	602.475	13.495.446

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn và Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong các bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất:

	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	542.689.793	80.840.029	3.294.370	7.158.568
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	898.859.796	679.491.415	1.023.115	61.520.900
	1.441.549.589	760.331.444	4.317.485	68.679.468

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2016	30/6/2015
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Tổng doanh thu				
▪ Bán hàng	5.887.162.414	5.628.123.791	4.377.382.295	4.449.998.533
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	20.119.933	32.183.475	179.042	15.339.061
	5.907.282.347	5.660.307.266	4.377.561.337	4.465.337.594
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu				
▪ Chiết khấu thương mại	72.095.614	43.894.223	15.473.430	15.319.056
▪ Hàng bán bị trả lại	31.645.658	30.923.681	11.074.429	11.445.822
	103.741.272	74.817.904	26.547.859	26.764.878
Doanh thu thuần	5.803.541.075	5.585.489.362	4.351.013.478	4.438.572.716

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Hàng đã bán	3.256.454.839	3.068.405.802	3.551.341.819	3.599.058.305
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	34.104.097	19.861.117	287.532	14.327.809
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	23.213.744	51.598.584	6.694.438	-
	3.313.772.680	3.139.865.503	3.558.323.789	3.613.386.114

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	144.280.574	125.856.661	103.276.427	69.938.084
Thu nhập lãi từ khoản cho các bên liên quan vay	69.961.067	533.086.759	69.961.067	535.320.089
Thu nhập lãi từ hoạt động đầu tư cho vay khác	55.311.896	13.084.678	55.311.896	13.084.678
Lợi nhuận tạm ứng từ công ty con	-	-	361.430.736	442.257.014
Lãi chênh lệch tỷ giá	890.638	4.466.869	195.356	147.431
Lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	2.509.421	4.047.670	-	-
	272.953.596	680.542.637	590.175.482	1.060.747.296

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2016	30/6/2015
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Chi phí lãi vay từ ngân hàng	53.699.055	145.960.594	29.691.473	38.307.638
Chi phí lãi vay từ các bên liên quan	-	-	-	153.843.309
Thuế nhà thầu trên chi phí lãi vay và phí gia hạn khoản vay	-	8.142.455	-	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	929.050	91.063.048	157.643	852.819
Lỗi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	-	8.857.155	-	-
	54.628.105	254.023.252	29.849.116	193.003.766

33. Chi phí bán hàng

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2016	30/6/2015
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	737.108.020	583.295.444	607.676.718	505.452.223
Chi phí kho vận	274.238.580	321.828.875	177.517.267	239.795.219
Chi phí nhân viên	133.797.503	123.599.157	84.530.014	72.824.089
Chi phí trung bày	23.340.749	43.433.712	15.164.987	30.500.166
Chi phí nghiên cứu thị trường	13.589.716	13.632.632	13.258.474	6.608.142
Chi phí bán hàng khác	20.403.757	33.655.400	6.296.013	28.442.792
	1.202.478.325	1.119.445.220	904.443.473	883.622.631

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND'000
Chi phí nhân viên	119.224.027	104.527.747	84.632.457	57.412.941
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	84.544.334	81.746.506	-	-
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	64.513.019	53.803.445	51.633.048	53.803.445
Phân bổ lợi thế thương mại	33.268.039	33.513.734	-	-
Tiền thuê văn phòng	25.573.706	14.375.999	24.862.934	14.375.999
Chi phí nghiên cứu và phát triển	12.718.030	10.286.646	6.016.555	5.695.494
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.729.813	9.828.395	21.086.797	2.904.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	42.586.865	40.879.416	6.627.762	21.598.002
	410.157.833	348.961.888	194.859.553	155.790.149

35. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND'000
Chi phí thuế hiện hành				
Kỳ hiện hành	159.798.818	232.521.789	-	104.164.115
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những kỳ trước	360.812	(3.297)	-	-
	160.159.630	232.518.492	-	104.164.115
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh và hoãn nhập các chênh lệch tạm thời	(24.655.863)	(49.494.422)	3.111.425	(57.544.619)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(2.406.503)	11.915.244	-	8.443.202
	(27.062.366)	(37.579.178)	3.111.425	(49.101.417)
Chi phí thuế thu nhập	133.097.264	194.939.314	3.111.425	55.062.698

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

<u>Tập đoàn</u>	Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/6/2016 VND'000	Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/6/2015 VND'000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.098.015.702	1.409.039.789
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	219.603.140	309.988.754
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(110.861.926)	(126.068.251)
Ảnh hưởng của phần lãi trong công ty liên kết	(691.380)	(1.452.535)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.000.975	264.460
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những kỳ trước	360.812	(3.297)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(2.406.503)	11.915.244
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	26.092.146	294.939
	133.097.264	194.939.314
 <u>Công ty</u>	 Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/6/2016 VND'000	 Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/6/2015 VND'000
Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	252.406.656	654.074.925
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	50.481.331	143.896.484
Thu nhập không bị tính thuế	(72.286.147)	(97.296.543)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.382	19.555
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	8.443.202
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	24.910.859	-
	3.111.425	55.062.698

(*) Lợi nhuận trước thuế của Công ty bao gồm khoản tạm ứng lợi nhuận không chịu thuế là 361.431 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 442.257 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% cho năm 2015 và 20% từ năm 2016 trở đi.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chứng từ xác định giá trị thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên liên quan và việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác và mức ảnh hưởng đến báo cáo tài chính có thể là đáng kể.

36. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo là 962.561 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 1.224.359 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền là 517.308.469 (cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2015: 513.326.322), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Tập đoàn	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2016	30/6/2015
	VND'000	VND'000
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	962.560.615	1.224.359.140

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Tập đoàn	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	30/6/2015
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ - hiện đang lưu hành	517.160.117	513.326.322
Ảnh hưởng của cổ phiếu mới phát hành trong kỳ	148.352	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối kỳ - hiện đang lưu hành	517.308.469	513.326.322

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Tập đoàn	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.861	2.385

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có cổ phiếu bị suy giảm tiềm tàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (30/6/2015: Không).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ, Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

Tập đoàn	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2016	
Mối quan hệ		30/6/2016	30/6/2015	1/1/2016
		VND'000	VND'000	VND'000
Công ty mẹ				
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Khoản cho vay đã cấp	3.131.978.713	-	1.242.716.877
	Thu hồi khoản cho vay	-	9.619.772.870	-
	Thu hồi khoản cho vay thông qua việc cán trừ với cô tức phải trả	1.889.261.836	-	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay	69.961.067	533.086.759	69.961.067
	Thu hồi lãi từ khoản cho vay	-	552.062.749	-
	Cô tức đã phân phối	2.799.261.836	2.413.111.542	-
Công ty liên kết				
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cholimex	Cô tức nhận được	5.320.434	-	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Masan Master Brewery	Bán hàng hóa	-	431.885	-
	Mua hàng hóa	-	133.964	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	2.217	20.483	218.587
	Bán tài sản cố định	-	45.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Mua hàng hóa	1.164.839	14.580	(143.528)
	Phí dịch vụ quản lý	14.874.958	-	14.874.958
				16.639.971

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

<u>Tập đoàn</u>	Mối quan hệ	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày
			Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000	
Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery HG		Bán hàng hóa	1.441	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt		Thù lao trả cho Thành viên quản lý chủ chốt (*)	14.633.166	15.449.909	-
<hr/>					
<u>Công ty</u>	Mối quan hệ	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày
			Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000	30/6/2016 VND'000
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings		Thu hồi khoản cho vay	-	9.619.772.870	-
		Thu nhập lãi từ khoản cho vay	-	533.086.759	-
		Thu hồi lãi từ khoản cho vay	-	552.062.749	-
		Cổ tức đã phân phối	2.799.261.836	2.413.111.542	-
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan		Tạm ứng và phân phối lợi nhuận (**)	361.430.736	442.257.014	2.518.463
					152.518.463

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
			Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2016	30/6/2016	1/1/2016
			VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan		Bán hàng hóa	106.361.420	136.279.345	-	-
		Bán phế liệu	-	1.791.129	-	-
		Mua hàng hóa	1.801.109.875	2.402.039.747	(399.157.732)	(508.010.104)
		Mua phế liệu	3.336.291	3.751.631	-	-
		Chi phí lãi vay	-	165.599.749	-	-
		Thanh toán các khoản vay	-	239.250.000	-	-
		Cho vay	3.131.978.713	-	1.242.716.877	-
		Thu hồi khoản cho vay thông qua cán trừ cổ tức phải trả	1.889.261.836	-	-	-
		Thu nhập lãi phải thu	69.961.067	-	69.961.067	-
		Tạm ứng và phân phối lợi nhuận (**)	-	-	908.202.905	1.038.200.445
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến		Mua hàng hóa	395.849.974	383.547.645	(138.539.682)	(344.787.533)
		Mua phế liệu	175.621	477.452	-	-
		Bán hàng hóa	7.951.482	11.819.632	-	-
		Bán phế liệu	-	26.955	-	-
		Tạm ứng và phân phối lợi nhuận (**)	-	-	118.510.571	254.925.839

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

<u>Công ty</u>	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND*000	30/6/2015 VND*000	30/6/2016 VND*000	1/1/2016 VND*000
Mối quan hệ					
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	Bán hàng hóa Bán phế liệu Bán tài sản cố định Mua hàng hóa Mua phế liệu Tạm ứng và phân phối lợi nhuận (**)	8.620.162 - 41.222 514.318.459 6.474 -	11.444.822 723.233 - 930.977.095 38.203 -	- - - (119.697.945) - 185.396.474	- - - (328.550.461) - 251.552.930
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Bán hàng hóa Bán tài sản cố định Mua hàng hóa	1.219 16.489 2.200	6.426 - -	- 15.718 -	- - -
Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa	Bán hàng hóa Bán phế liệu Bán tài sản cố định Mua hàng hóa Mua phế liệu Phí dịch vụ quản lý	23.777.558 - 9.743 665.680 - 53.658.288	14.881.557 374.900 - 1.054.382 9.243.322 55.315.271	5.834.581 - - - - 53.658.288	5.244.746 - - - - 57.419.561
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa Bán phế liệu Bán tài sản cố định Mua hàng hóa Mua phế liệu	35.855.332 117.522 199.363 992.282.233 36.737	76.106 - - - -	- - - (450.492.379) -	- - - (273.111.052) -
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	Mua hàng hóa Bán hàng hóa	7.247.848 429.651	- -	(1.712.350) -	(3.675.717) -

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc	30/6/2015	30/6/2016	1/1/2016
Mối quan hệ		VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo	Mua hàng hóa Mua phế liệu Bán hàng hóa Bán phế liệu Thu nhập lãi từ khoản cho vay Phí dịch vụ quản lý	7.956 - 18.467.697 - - 17.931.169	2.930.074 10.818 12.307.099 11.687.350 2.233.330 9.860.948	- - 20.313.480 - - 17.931.169	- - 1.104.331 - - 22.471.823
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimax	Cổ tức trước ngày mua nhận được	5.320.434	-	-	-
Các bên liên quan khác					
Công ty TNHH Masan Master Brewery	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	- -	1.100 117.436	- -	- -
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	2.217	15.938	-	218.587
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Mua hàng hóa Phí dịch vụ quản lý	341.750 14.874.958	14.580	(84.963) 14.874.958	- 16.639.971
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa Phí dịch vụ quản lý	1.441 1.328.020	-	- 1.328.020	- 6.957.627
Thành viên quản lý chủ chốt	Thủ lao trả cho Thành viên quản lý chủ chốt (*)	14.633.166	15.449.909	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được nhận bất cứ khoản phí hội họp nào cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 30 tháng 6 năm 2015.
- (**) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, Chủ tịch của MSI, VTF và MHD đã quyết định tạm ứng lợi nhuận cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 số tiền 361.431 triệu VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”), công ty con của Công ty. Cùng ngày, Chủ tịch của MSF quyết định tạm ứng toàn bộ lợi nhuận nhận được từ các công ty con cho Công ty và hướng dẫn các công ty con trả lợi nhuận trực tiếp cho Công ty thay vì cho MSF (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 442.257 triệu VND).

38. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 7 năm 2016, Công ty đã thành lập một công ty con – Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”) để thâm nhập vào thị trường Inland ASEAN theo Giấy đăng ký Doanh nghiệp số 0105559105553 do Phòng Phát triển Doanh nghiệp Thái Lan cấp.

39. Hoạt động kinh doanh theo thời vụ

Tổng doanh thu bán hàng của Tập đoàn thường tăng vào các tháng của quý 4 hàng năm do các nhà phân phối dự kiến sẽ có một sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng trong những tháng giáp Tết (Tết âm lịch), đợt nghỉ Tết này diễn ra vào quý đầu tiên hàng năm. Theo đó, Tập đoàn thường tăng sản lượng sản xuất các ngành hàng gia vị, thực phẩm tiện lợi, đồ uống không cồn và các hoạt động quảng cáo và khuyến mãi trong quý 4 hàng năm nhằm gia tăng doanh số bán hàng trong thời gian cận Tết.

Ngày 16 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Huỳnh Việt Thăng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hoàng Tùng
Giám đốc Tài chính



Seokhee Won
Tổng Giám đốc

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và

Căn cứ trên Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (trên cơ sở hợp nhất và riêng lẻ) 6 tháng đầu năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2015.

Công ty xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất và riêng lẻ 6 tháng đầu năm 2016 so với 6 tháng đầu năm 2015 như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế TNDN (trên cơ sở hợp nhất) giảm 21% chủ yếu do sự biến động từ các chỉ tiêu như sau:

STT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2016 (ngàn VND)	6 tháng đầu năm 2015 (ngàn VND)	Biến động	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần (i)	5.803.541.075	5.585.489.362	218.051.713	4%
2	Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính (ii)	218.325.491	426.519.385	(208.193.894)	-49%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	964.918.438	1.214.100.475	(249.182.037)	-21%

- (i) Doanh thu thuần của Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2016 đạt 5.803.541.075 ngàn VND tăng 4% so với 5.585.489.362 ngàn VND 6 tháng cùng kỳ năm 2015. Tăng trưởng doanh thu thuần là thành quả từ việc vận hành hoạt động kinh doanh hiệu quả của các công ty thành viên;
- (ii) Thu nhập hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2016 giảm 49% so với cùng kỳ năm 2015. Sự biến động này chủ yếu do số dư tiền thấp hơn do tăng sử dụng vào các hoạt động đầu tư, tài chính và kết quả từ việc chi trả cổ tức.



2. Lợi nhuận sau thuế TNDN (trên cơ sở riêng lẻ) giảm 58% chủ yếu do sự biến động từ các chỉ tiêu như sau:

STT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2016 (ngàn VND)	6 tháng đầu năm 2015 (ngàn VND)	Biến động	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	4.351.013.478	4.438.572.716	(87.559.238)	-2%
2	Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính (i)	560.326.366	867.743.530	(307.417.164)	-35%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	249.295.232	599.012.227	(349.716.995)	-58%

(i) Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2016 giảm so với cùng kỳ năm 2015, chủ yếu do số dư tiền thấp hơn do tăng sử dụng vào các hoạt động đầu tư, tài chính và kết quả từ việc chi trả cổ tức.

Trân trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Thay mặt Ban Giám đốc



Seokhee Won
Tổng Giám đốc

